

Số: 1881/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 29 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
để khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công tuyến đường tránh
ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)
của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2019/NQ-HĐND ngày 02/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Bổ sung danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất đai để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 ha đất lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, dưới 50 ha đất rừng sản xuất phát sinh trong năm 2019 và chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, rừng sản xuất sang mục đích khác;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 185/TTr-SNN ngày 26/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639) của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh với những nội dung như sau:

1. Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng: 6,17 ha.

2. Địa điểm: Khoảnh 4, tiểu khu 215, xã Cát Khánh và khoảnh 2, tiểu khu 225, xã Cát Thành, huyện Phù Cát.

3. Hiện trạng: Rừng trồng.

4. Quy hoạch: Diện tích 6,17 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất theo Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh.

5. Mục đích: Khai thác đất phục vụ Dự án: Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639).

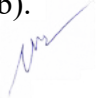
(Tọa độ giới hạn khu vực chuyển mục đích tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp, hướng dẫn đơn vị liên quan và Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (Tăng/Giảm) theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát, Giám đốc Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (15b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

Diện tích: 6,17 ha, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ hệ VN-2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiều 3 độ, như sau:

KHU VỰC I

Thuộc khoảnh 4, tiểu khu 215, xã Cát Thành

Diện tích 0,26 ha

TT	TỌA ĐỘ		TT	TỌA ĐỘ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1558431,29	599827,37	7	1558343,99	599822,99
2	1558425,99	599828,00	8	1558346,99	599807,00
3	1558422,99	599825,99	9	1558353,01	599797,59
4	1558405,00	599821,00	10	1558373,00	599795,00
5	1558398,00	599833,99	11	1558400,01	599789,40
6	1558362,00	599836,00			

KHU VỰC II

Thuộc khoảnh 4, tiểu khu 215, xã Cát Thành

Diện tích 0,07 ha

TT	TỌA ĐỘ		TT	TỌA ĐỘ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1558379,00	599770,00	4	1558332,99	599724,99
2	1558382,13	599767,71	5	1558334,99	599739,00
3	1558342,10	599719,15			

KHU VỰC III

Thuộc khoảnh 4, tiểu khu 215, xã Cát Thành; khoảnh 2, tiểu khu 225, xã Cát Khánh

Diện tích 4,37 ha

TT	TỌA ĐỘ		TT	TỌA ĐỘ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1558228,59	599897,61	28	1558252,99	599846,00
2	1558230,34	599906,62	29	1558226,99	599816,00

3	1558244,26	599914,81	30	1558239,99	599795,99
4	1558232,38	599933,45	31	1558232,47	599783,31
5	1558216,45	599937,65	32	1558214,07	599775,42
6	1558199,95	599915,72	33	1558206,99	599779,99
7	1558197,52	599905,13	34	1558187,00	599779,99
8	1558205,77	599899,76	35	1558158,17	599792,95
9	1558218,84	599903,77	36	1558147,99	599803,00
10	1558443,48	599861,10	37	1558139,99	599791,00
11	1558438,99	599862,00	38	1558126,99	599749,00
12	1558432,99	599856,99	39	1558137,78	599748,39
13	1558425,99	599846,99	40	1558150,0	599750,99
14	1558413,99	599842,00	41	1558177,00	599745,00
15	1558398,00	599846,99	42	1558168,00	599742,99
16	1558403,00	599858,00	43	1558171,00	599728,00
17	1558394,00	599881,99	44	1558167,00	599724,00
18	1558378,00	599884,00	45	1558154,00	599718,00
19	1558363,00	599894,99	46	1558151,54	599704,41
20	1558361,61	599902,71	47	1558158,00	599686,00
21	1558348,99	599902,99	48	1558148,99	599687,99
22	1558342,99	599898,99	49	1558110,99	599691,99
23	1558335,99	599900,00	50	1558096,61	599677,40
24	1558324,99	599863,00	51	1558050,00	599729,99
25	1558296,00	599885,99	52	1558234,99	600002,00
26	1558245,99	599867,00	53	1558435,99	599946,00
27	1558243,99	599846,99			

KHU VỰC IV

Thuộc khoảnh 4, tiểu khu 215, xã Cát Thành

Diện tích 1,47 ha

TT	TỌA ĐỘ		TT	TỌA ĐỘ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1558142,42	599625,71	6	1558293,00	599716,99
2	1558193,00	599670,99	7	1558304,00	599690,99
3	1558229,99	599736,99	8	1558310,95	599681,34
4	1558245,99	599724,00	9	1558218,93	599569,70
5	1558261,00	599724,99	10	1558198,92	599561,97